

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GT  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 22-8-2023  
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GT**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Phước Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Minh Thông

2. Ông Cao Hoài Lượm

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm là Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện GT.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện GT: Ông Hà Duy Phúc - Kiểm  
sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân  
huyện GT xét xử sơ thẩm công khai (trực tuyến) vụ án dân sự thụ lý số  
10/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc “*Xin ly hôn*” theo  
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6  
năm 2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị U, sinh ngày 02/10/1990 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 06, ấp T, xã P, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn C, sinh ngày 06/9/1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện GT, tỉnh Kiên Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2023 và lời khai trong quá trình giải  
quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Văn C chung sống với nhau vào năm 2011 có đăng ký  
kết hôn tại UBND xã P, huyện GT, tỉnh Kiên Giang, hôn nhân tự nguyện không  
bị cưỡng ép. Vợ chồng chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc đến sau thì  
phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh chị xung đột tính cách, bất đồng quan

điêm, anh C thường hay uống rượu không chăm lo cho gia đình, thường xuyên cãi vã, không ai quan tâm ai. Anh chị đã không chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Vì vậy, mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 1 con chung tên: Nguyễn Văn Khương, sinh ngày 28/02/2011, giới tính nam hiện đang sống với chị U.

Về tài sản chung và nợ chung: Thời gian chung sống giữa chị U và anh C không tạo lập được tài sản gì, không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay đến Tòa, chị U yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chồng là anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị U xin nhận nuôi con chung là cháu Nguyễn Văn Khương, sinh ngày 28/02/2011, giới tính nam. Không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không tạo lập tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Văn C nhưng anh C vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GT phát biểu cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như qua theo dõi diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, đưa người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị U; chấp nhận cho chị Nguyễn Thị U ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Văn Khương, sinh ngày 28/02/2011 có nguyện vọng ở với mẹ nên đề nghị HĐXX giáo cháu Khương cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị U về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị U phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị U khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C đây là vụ án “*xin ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Anh Nguyễn Văn C có đăng ký thường trú tại tổ 6, ấp T, xã P, huyện GT, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện GT theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng với tư cách bị đơn nhưng anh C vắng mặt không có lý do. HĐXX đã hoãn phiên tòa sơ thẩm một lần vào ngày 20/7/2023 . Do đó, có căn cứ để HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Văn C chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện GT, tỉnh Kiên Giang theo quy định pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32 quyển 01 ngày 01/10/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Anh và chị chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến sau thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do xung đột tính cách, thường xuyên cãi vã, không ai quan tâm ai và đã không chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay nên không hàn gắn được. HĐXX thấy rằng: quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh C đến Tòa để động viên, hòa giải nhưng anh C vắng mặt không có lý do điều này cho thấy anh C không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ cùng chị U. Do đó, HĐXX thấy mâu thuẫn của anh, chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị U xin ly hôn với anh C là có cơ sở chấp nhận.

Kết quả xác minh tại địa phương thấy rằng: Anh Nguyễn Văn C có đăng ký thường trú tại tổ 6, ấp T, xã P, huyện GT, tỉnh Kiên Giang hiện nay đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không biết nhưng thỉnh thoảng có về nhà một vài ngày rồi tiếp tục đi. Quá trình chung sống thì chị U, anh C thường hay cãi nhau do bất đồng quan điểm sống và đã không chung sống từ cuối năm 2018 cho đến nay. Quá trình chung sống chị U, anh C có 01 con chung; không có tài sản chung và không có nợ chung. Bà Nguyễn Thị Dung là mẹ ruột của anh Nguyễn Văn C đồng ý cho chị U và anh C được ly hôn với nhau.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, anh C và chị U có 1 con chung tên Nguyễn Văn Khương, sinh ngày 28/02/2011, giới tính nam hiện đang sống chung với chị U. Chị U có yêu cầu được nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu Khương nên HĐXX giao cháu Khương cho chị U nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị U về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Do đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị U phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình 2014.
- Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị U về việc xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn C

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn Khương, sinh ngày 28/02/2011, giới tính nam cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị U về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được đảm bảo thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xét do đương sự nên không yêu cầu giải quyết

2. Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị U phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002753 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT, tỉnh Kiên Giang. (chị U đã nộp xong).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/8/2023); Bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện GT;
- Chi cục THADS huyện GT;
- Những người TGTT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lâm Phước Lộc**